

Bản án số: 236/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2026

“V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn
nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dư Ngọc Tuối

Bà Nguyễn Kim Thoại

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 811/2025/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị L - Sinh năm: 2000. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Danh N - Sinh năm: 1997. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Thị L trình bày:

Chị Thị L và anh Danh N có tự tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng rồi được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2016, đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc gần 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp tính ý, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Chị L yêu cầu Tòa án không công nhận chị L và anh N là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thị Ngọc H - sinh ngày: 07/11/2017. Hiện cháu H đang chung sống với anh N. Chị L đồng ý giao cháu H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Danh N đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập đến tham gia tố tụng nhưng anh N không trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Thị L khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Danh N. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng chị L có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc. Anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Thị L và anh Danh N cưới nhau vào năm 2016, đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị L có yêu cầu xin ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công chị Thị L và anh Danh N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Theo chị L trình bày và giấy khai sinh có cơ sở xác định chị L và anh N có 01 con chung tên Thị Ngọc H - sinh ngày: 07/11/2017. Hiện cháu H đang chung sống với anh N. Chị L đồng ý giao cháu H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện cháu H đã trên 07 tuổi, cháu có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống với anh N. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 15, khoản 2 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Thị Ngọc H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 305044 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thị L và anh Danh N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Thị Ngọc H - sinh ngày: 07/11/2017 cho anh Danh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Thị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 305044 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Báo cho chị L và anh N biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSNDKV5-AG;
- Phòng THADS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An

